

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2017/HC-ST
Ngày: 27-7-2017
V/v khiếu kiện giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vinh
2. Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2016/TLST-HC ngày 27/10/2016 về việc khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2017/QĐXXST- HC ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 571/2017/QĐST-HC ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn H, cư trú tại thôn V, xã S, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Kiển H' - Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Duy Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (văn bản ủy quyền số 354/GUQ ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2, cùng nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

2. Ông Hoàng T, cư trú tại thôn Y, xã A, thành phố Hải Phòng;

3. Ông Hoàng Văn H3, cư trú tại thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng;

4. Bà Hoàng Thị M, cư trú tại thôn R, huyện M, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của ông T, ông H3, bà M: Ông Hoàng Văn H, cư trú tại thôn V, xã S, huyện D, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 12/10/2016); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28/5/2007, Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 mang tên Hoàng Văn H1 và Trịnh Thị H2 đối với thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m², địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng.

Ngày 06/10/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2016 của Ông Hoàng Văn H yêu cầu:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện A mang tên Hoàng Văn H1 và Trịnh Thị H2 đối với thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m², địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng.

2. Ủy ban nhân dân huyện A phải bồi thường mọi chi phí, thiệt hại do việc cấp sai trái quyết định cho ông do không được canh tác trên diện tích đất vườn 296m² của thửa đất trên từ tháng 10/2016 đến ngày 20/7/2017, cụ thể như sau:

1. Trồng và kinh doanh rau sạch: 42.920.000đồng

2. Phần thiệt hại do đi lại về xã xin chứng nhận tài liệu và đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nộp đơn và tài liệu: 2.100.000đồng.

3. Tổng thiệt hại ông H yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện A phải bồi thường 45.020.000đồng.

Các căn cứ đưa ra yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Bố ông H là cụ Hoàng Văn S, mất năm 1993 và mẹ là bà Nguyễn Thị N, mất năm 1991. Bố mẹ ông sống và mất tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng. Thửa đất thổ cư mà Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp cho anh H1 và chị H2 là của các Cụ N đời để lại. Khi mẹ ông mất thì bố ông quản lý và sử dụng. Bố mẹ ông sinh được 05 người con, đó là: Ông Hoàng T, bà Hoàng Thị B (đã mất năm 2000), ông Hoàng Văn H3, Ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị M. Khi bố mẹ ông qua đời, không để lại di chúc. Anh em ông H thống nhất thửa đất và căn nhà (tường đất nhà tre mái

rạ) trên thửa đất đó giao cho ông Hoàng Văn H3 trông nom và quản lý (thỏa thuận bằng miệng, không có văn bản). Di sản của bố mẹ, anh em ông H chưa phân chia cho ai.

Ngày 20/9/2016, ông H về quê cúng giỗ các cụ mới được anh H1 là con trai của ông Hoàng Văn H3, nói thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m² tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 ngày 28/5/2007 mang tên vợ chồng anh H1. Trong số 05 anh em ông H không ai biết việc này vì không có ai ký giấy cho anh H1 và chị H2 được quyền sử dụng thửa đất nói trên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi biết, ông H đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mà không khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện A.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị H2 của Ủy ban nhân dân huyện A khi không có nguồn gốc đất như mua bán, chuyển nhượng, trao đổi, cho tặng, thừa kế... là Ủy ban nhân dân huyện A đã làm sai.

Quan điểm của người bị kiện:

Ngày 11/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện A có văn bản số 438/UBND-TNMT trả lời về diện tích 796m² ở thửa đất số 162 tờ bản đồ 14(293-D-IV) tại thôn L, xã T, huyện A có nguồn gốc như sau:

Từ những năm 1980 trở về trước, thửa đất trên do ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N sử dụng. Ông S bà N sinh được 05 người con, đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng từ trước năm 1980. Thửa đất trên từ năm 1980 chỉ có gia đình cụ S và vợ chồng ông Hoàng Văn H3 cùng con trai là anh Hoàng Văn H1 sinh sống.

Năm 1982, gia đình ông H3 đi lập nghiệp tại vùng kinh tế mới T, xã T. Thửa đất này chỉ còn cụ S và anh H1 sinh sống.

Cụ N mất năm 1991, cụ S mất năm 1993.

Từ năm 1993, thửa đất trên do anh H1 sử dụng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với thửa đất. Năm 1994, anh H1 kết hôn với chị Trịnh Thị H2 và sống tại thửa đất này. Năm 1995, khi đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai thửa đất nêu trên mang tên anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2 là chủ sử dụng đất. Năm 2006, thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ cá nhân trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã T đã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị H2 theo quy định. Anh H1 đã nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2006.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, Ủy ban nhân xã đã công khai nguồn gốc đất, xác định nguồn gốc đất của vợ chồng anh H1 sử dụng từ trước những năm 1993. Ủy ban nhân dân xã đã niêm yết công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại trụ sở Ủy ban nhân

dân xã T, trụ sở thôn nơi có đất lấy ý kiến. Sau khi kết thúc 15 ngày niêm yết công khai, không có ai có kiến nghị gì về nguồn gốc đất, khiếu nại về thừa kế, chia di sản liên quan đến thừa kế. Ủy ban nhân dân xã T hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị H2 tại thửa 162, tờ bản đồ 14(293-D-IV) diện tích 796m², số GCN QSD đất số AH 526676, số vào sổ HO592/AL. Anh H1 là người trực tiếp nhận Giấy chứng nhận và nộp 110.000đồng.

Thời điểm cụ S và Cụ N mất, Ủy ban nhân dân xã không nhận được bất kỳ văn bản thừa kế, di chúc của cụ S, Cụ N hay kể từ khi các cụ mất cũng không có bất kỳ văn bản yêu cầu chia di sản của các cụ. Việc yêu cầu chia di sản của hai cụ xuất phát từ năm 2015, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã T nguyên nhân do vợ chồng anh H1 sống ly thân và kể từ đó các con của hai cụ yêu cầu chia di sản như trên.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh H1, căn cứ Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 135 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về việc thi hành Luật Đất đai là đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện A cũng yêu cầu Tòa án xem xét đến quyền lợi của vợ và các con của anh H1 nếu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trịnh Thị H2 trình bày: Năm 1995, ông H3 và vợ cho vợ chồng chị về ở mảnh đất này. Chị về sống cùng chồng ở mảnh đất đó còn hoang sơ, chị đã tiến hành cải tạo đất mất nhiều tiền. Trong quá trình cư trú ở đó, chị không tranh chấp đất với ai. Đến năm 2006-2007, nhà nước có chủ trương kiểm kê đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn. Gia đình chị đủ điều kiện nên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình cấp Giấy chứng nhận, chị đã nói với ông H3 viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị để gửi cho trường thôn làm thủ tục. Theo chị mục đích người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng là vì vợ chồng chị đang có mâu thuẫn, không muốn chị được hưởng tài sản này. Chị H2 cho rằng Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Anh H1 trình bày:

Anh xác nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn và đang ly hôn. Nhưng việc vợ anh nói mục đích người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng là vì vợ chồng đang có mâu thuẫn, không muốn chị được hưởng tài sản này là không đúng. Diện tích đất mà vợ chồng anh đang ở là di sản của ông bà nội anh, chưa chia cho ai. Năm 1995, anh H1 xây dựng gia đình thì bố anh là ông H3 gọi anh về

và nói diện tích đất này để ở và trông nom. Năm 2007, Ủy ban nhân dân xã Tcó đợt làm bìa đồ cho cả thôn và hoàn toàn không đo vẽ hay yêu cầu anh H1 làm bất kỳ việc gì. Anh H1 cho rằng Ủy ban nhân dân xã T đã làm sai nhưng do lúc đó hiểu biết pháp luật chưa nhiều nên khi Ủy ban xã bảo anh nộp 110.000 đồng anh vẫn nộp. Nay, quan điểm của anh: Nếu Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh sai quy định của pháp luật thì anh đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T, ông H3, bà M thống nhất trình bày:

Thửa đất số 162, tờ bản đồ 14(293-D-IV) diện tích 796m² mà Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh H1 có nguồn gốc là của cụ S và Cụ N. Khi bố mẹ chết không có di chúc. 05 anh em thống nhất giao cho ông H3 quản lý, trông coi toàn bộ thửa đất này. Từ năm 1993 đến nay, 05 anh em chưa có ý định chia tách, chuyển nhượng hay cho tặng bất cứ con cháu nào mà chỉ thống nhất với nhau sẽ dựng căn nhà làm nơi hương khói tiên nhân – thờ cúng ông bà, cha mẹ. Cuối tháng 9/2016, mọi người mới biết Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng anh H1.

Ông T, ông H3, bà M yêu cầu Tòa án xem xét lại trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cho vợ chồng anh H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm:

Kể từ ngày bố mẹ ông Hmất thì không còn thời hiệu khởi kiện về yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng di sản của hai cụ để lại cho anh em ông chưa phân chia cho ai nên những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là anh em ông được quyền yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Anh H1 không phải hàng thừa kế thứ nhất nên việc cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân huyện A là trái pháp luật và yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho vợ chồng anh H1, không thấy có tài liệu nào thể hiện anh H1 được cụ S, Cụ N hay các đồng thừa kế của hai cụ thống nhất cho vợ chồng anh H1 được quyền định đoạt tài sản trên. Do vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng diện tích 796m² đất tại Thửa đất số 162, tờ bản đồ 14(293-D-IV) của Ủy ban nhân dân huyện A là trái pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường của ông H là những yêu cầu không hợp lý, không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hoàng Văn H là con đẻ của cụ Hoàng Văn S và Nguyễn Thị N. Hai cụ chết không có di chúc. Ông H cho rằng: Thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m², địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng, nguồn gốc là của bố mẹ ông nhưng ngày 28/5/2007 Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 mang tên Hoàng Văn H1 và Trịnh Thị H2 là quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nên ông H có quyền khởi kiện.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện A là Quyết định hành bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Cuối tháng 9 năm 2016, khi anh em ông H về cúng giỗ các cụ thành H1 mới thông báo cho gia đình biết việc vợ chồng anh đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m² có nguồn gốc là của cụ S và Cụ N. Ông H không khiếu nại mà gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 10/10/2016 là đảm bảo quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 115; khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện A có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2.

[4] Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2:

4.1. Về nguồn gốc đất và quy ền được hưởng tài sản:

Các đương sự đều thống nhất về nguồn gốc đất tại thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m², địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện A, Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho vợ chồng anh H1 có nguồn gốc là của Sài và Cụ N. Sau khi hai cụ chết không có di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm: Ông T, bà B, ông H3, ông H và bà M sẽ được quyền thừa kế di sản của hai cụ.

Kể từ thời điểm cụ S mất năm 1993 đến năm 2007 anh H1 được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quá thời hạn mười năm về yêu cầu chia di sản thừa kế, nhưng các con của hai cụ không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản của người chết để lại chưa chia. Do vậy, theo hướng dẫn tại điểm 2.4 khoản 2 Mục I của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình thì khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết. Trong trường hợp này không có di chúc, mà 05 anh em ông H không có thỏa thuận về phần mỗi người được hưởng nên được xác định là tài sản chung của anh em ông H chưa được phân chia.

Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản.

4.2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2:

Ủy ban nhân dân huyện A xác nhận cụ S và cụ N đã ở trên thửa đất này từ trước năm 1980 đến khi hai cụ chết và hai cụ có 05 người con. Tại thời điểm cụ S và cụ N chết, Ủy ban nhân dân xã T không nhận được bất kỳ văn bản thừa kế, di chúc của cụ S, cụ N hay kể từ khi các cụ mất cũng không có bất kỳ văn bản yêu cầu chia di sản của các cụ. Nhưng tại thời điểm năm 1995, sau khi cụ S và cụ N mất, trên thửa đất chỉ còn vợ chồng anh H1 sinh sống, Ủy ban nhân dân xã T khi đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai thửa đất nêu trên đã mang tên anh Hoàng Văn H1 và chị Trịnh Thị H2 là chủ sử dụng đất mà không tìm hiểu về việc anh H1 và chị H2 có phải là người được hưởng di sản thừa kế của hai cụ hay không mà Ủy ban nhân dân huyện A chỉ căn cứ vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, Ủy ban nhân dân xã T đã công khai nguồn gốc đất, xác định nguồn gốc đất của vợ chồng anh H1 sử dụng từ trước những năm 1993 là không xem xét về các trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất theo quy định tại Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Thực tế nguồn gốc đất vợ chồng anh H1 đang sử dụng có từ trước năm 1993 là của cụ S và Cụ N, hai cụ ở trên diện tích này đất lúc chết. Anh H1 chỉ là người ở cùng với hai cụ trên diện tích đất này. Anh H1 không phải là hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ và không có quyền định đoạt tài sản này của hai cụ cũng như hai cụ không có văn bản nào để lại tài sản này cho anh H1. 05 anh em ông H không có ai đồng ý cho anh H1 được quyền định đoạt tài sản này. Lời khai của ông H3 cũng xác nhận : “Từ năm 1993 đến nay anh em chúng tôi chưa hề có ý định chia tách, chuyển nhượng hay cho tặng bất kỳ con cháu nào...”. Chị H2 khai trong quá trình cấp Giấy chứng nhận, chị đã nói với ông H3 viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị để gửi cho trưởng thôn làm thủ tục nhưng chị không có chứng cứ chứng minh việc này. Mặt khác, di sản của cụ S và cụ N là tài sản chung của 05 anh em ông H3 chia phân chia. Ông H3 không có quyền tự bán, hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai khi chưa được sự đồng ý của những đồng thừa kế khác.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện A đã thực hiện không đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình đang sử dụng đất tại xã, thị trấn theo quy định tại Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và Điều 135 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn H, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện A mang tên Hoàng Văn H1 và Trịnh Thị H2.

[5] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân huyện A:

5.1. Đối với yêu cầu bồi thường về trồng rau sạch:

Thực tế anh em ông H không ở, không canh tác trên diện tích đất này nên không có thiệt hại xảy ra đối với anh em ông H nên yêu cầu này không được chấp nhận.

5.2. Đối với yêu cầu phân thiệt hại do đi lại về Ủy ban nhân dân xã Txin chứng nhận tài liệu và đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nộp đơn và tài liệu với tổng chi phí đi lại là 2.100.000đồng là những chi phí không hợp lý nên cũng không được chấp nhận.

Tòa án đã giải thích cho ông H về yêu cầu bồi thường nếu không được chấp nhận sẽ phải chịu án phí nhưng ông H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

[6] Án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự trong vụ án hành chính đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 120; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 50; khoản 2, Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 135 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 48 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 14; khoản 1, 4 Điều 27; Điều 34 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn H, tuyên: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 526676 ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện A mang tên Hoàng Văn H1 và Trịnh Thị H2 đối với thửa đất số 162 tờ bản đồ 14 (293-IV) diện tích 796m², địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng trái pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của Ông Hoàng Văn H đối với Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[3] Án phí sơ thẩm :

Ủy ban nhân dân huyện A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn H phải nộp 1.125.500đ (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 008619 ngày 27/10/2016 và 197.000đ (một trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008714 ngày 28/11/2016 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng nên được trừ vào tiền án phí dân sự phải nộp.

Số tiền án phí Ông Hoàng Văn H còn phải nộp tiếp là 728.500đ (bảy trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA DS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

